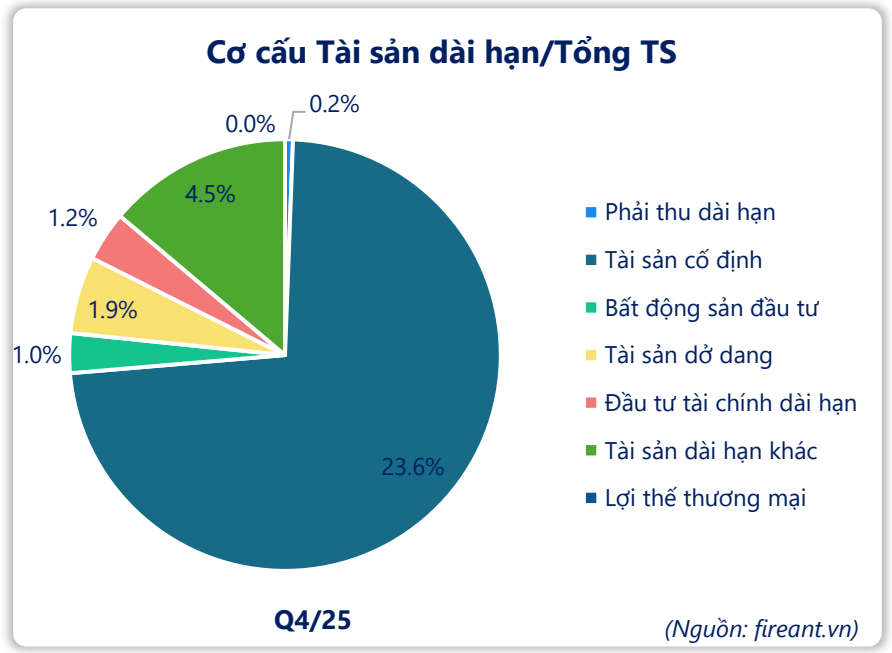
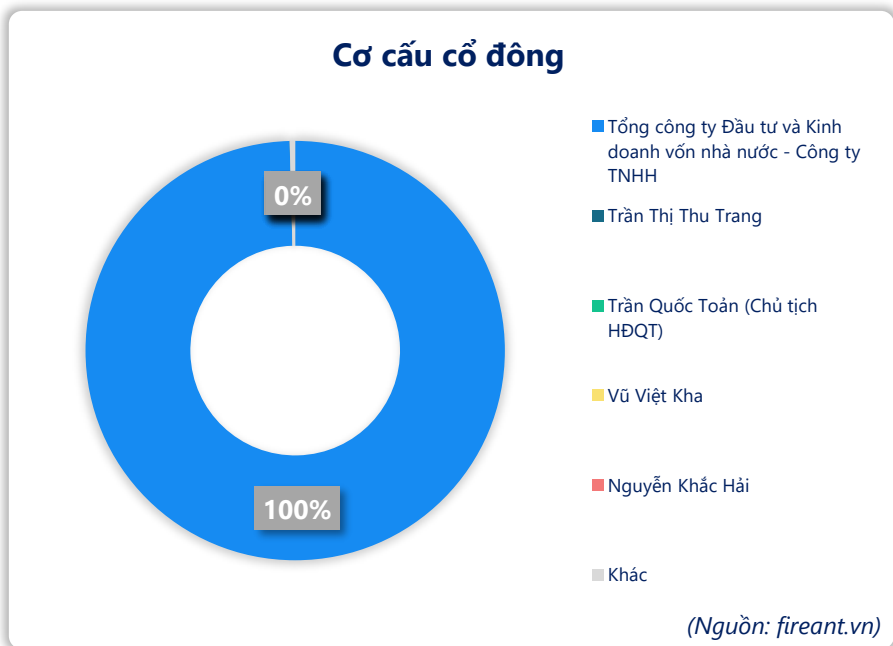
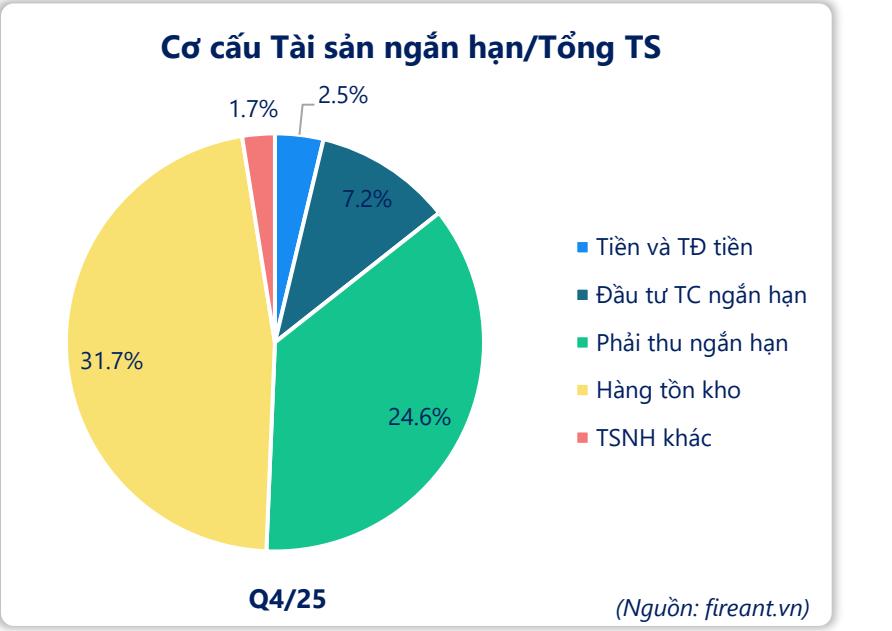
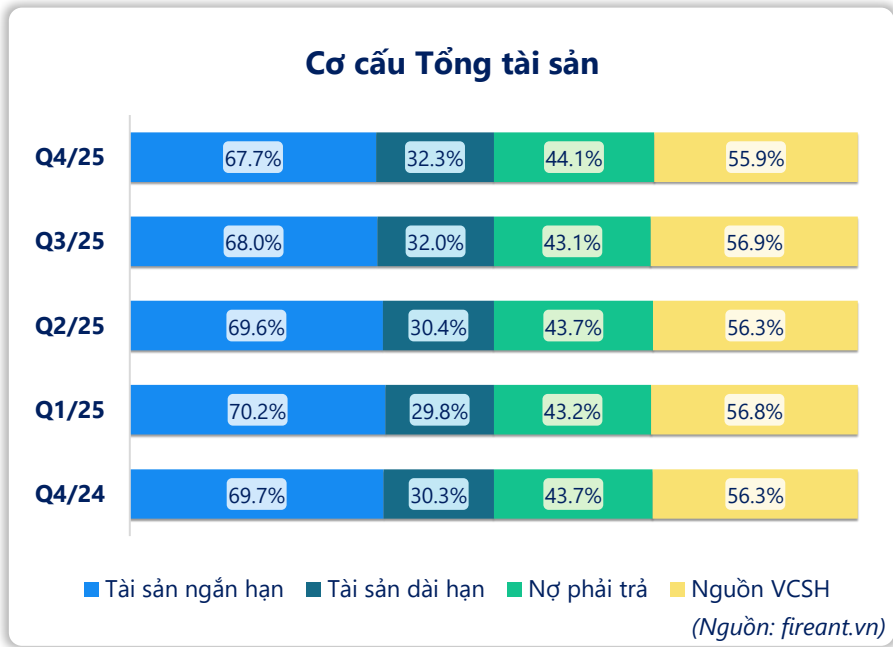
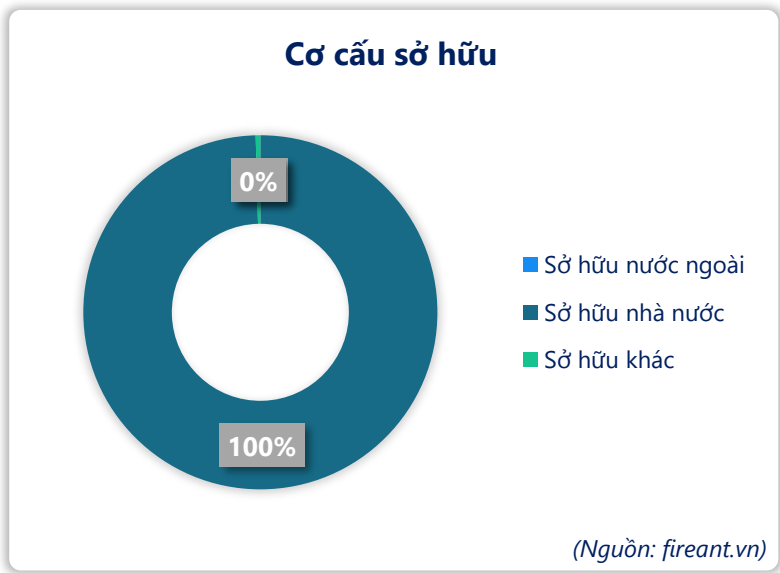
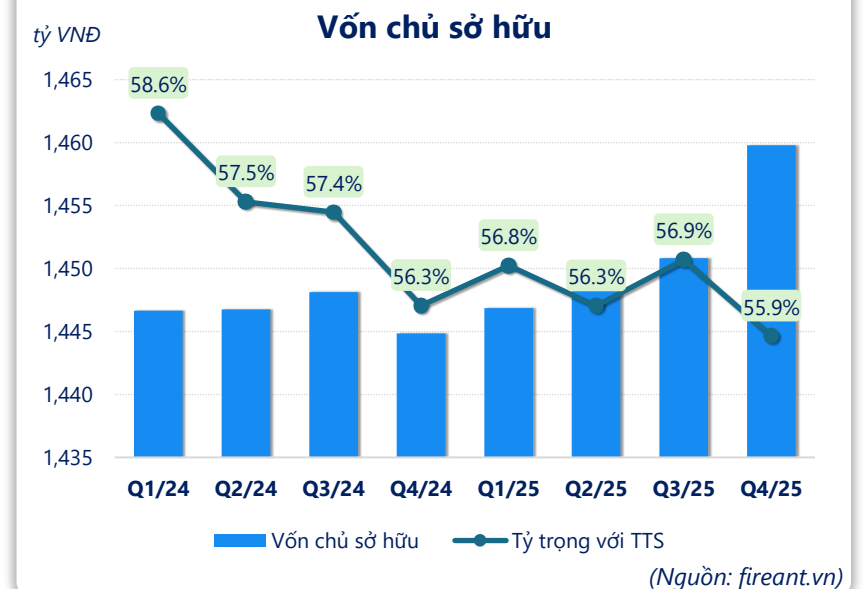
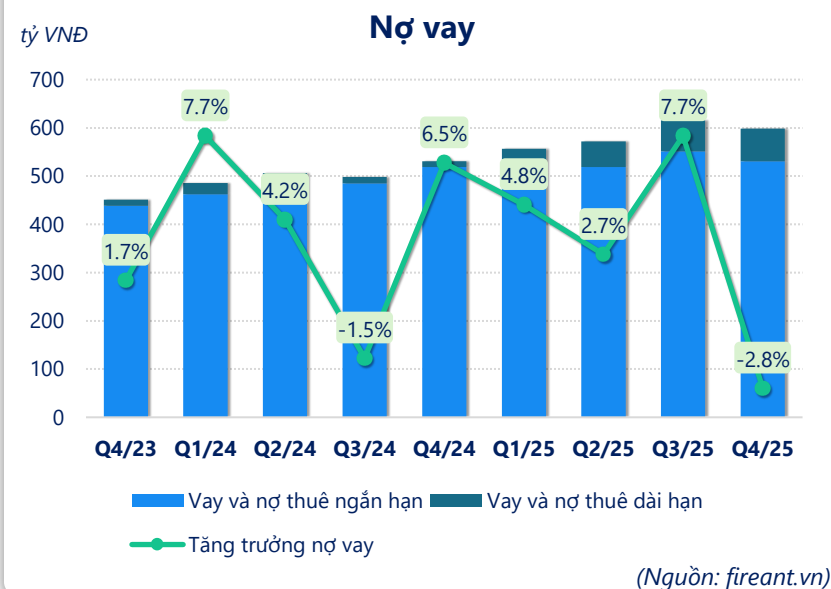
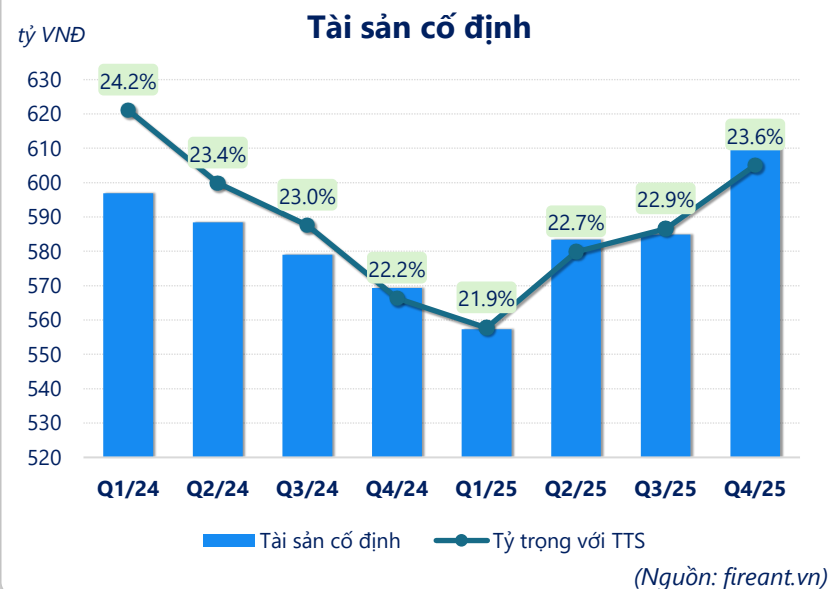
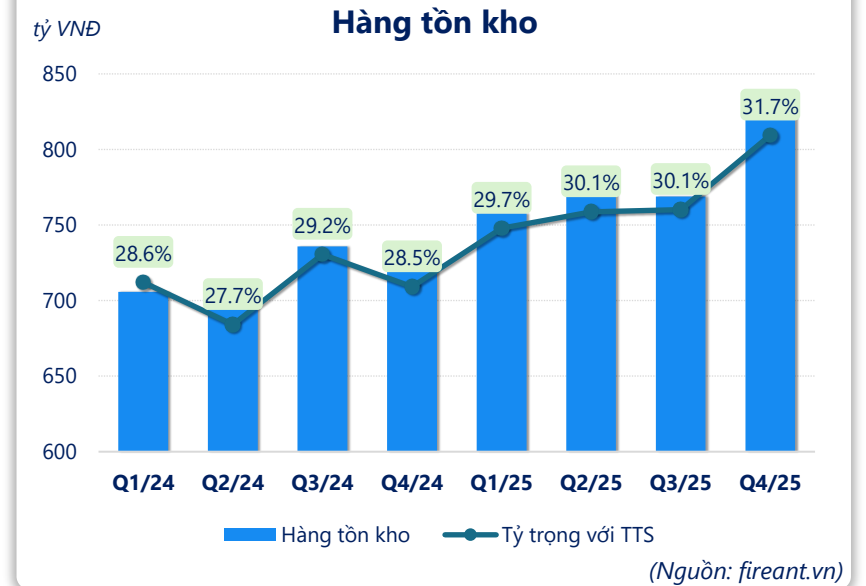
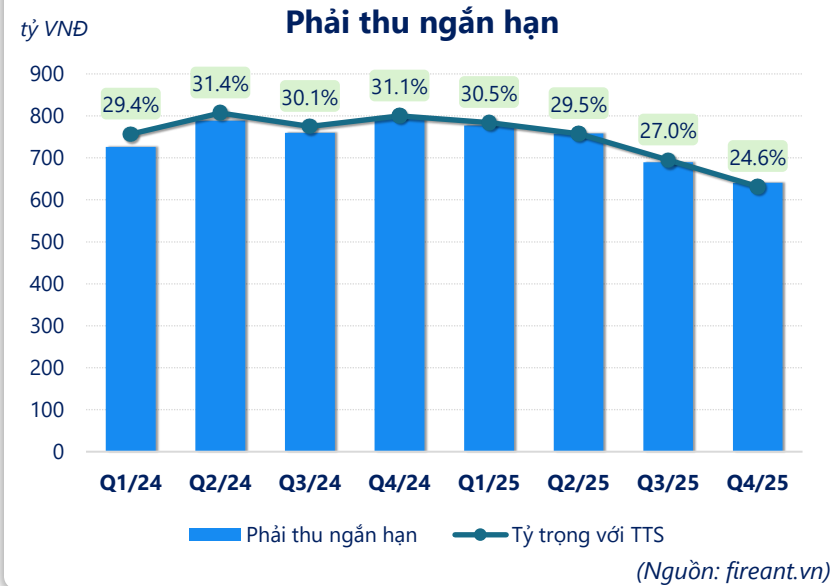
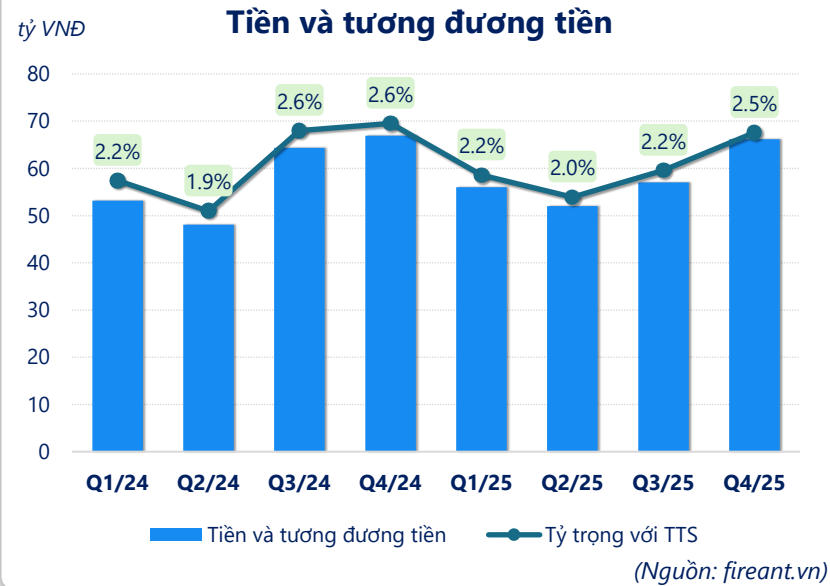
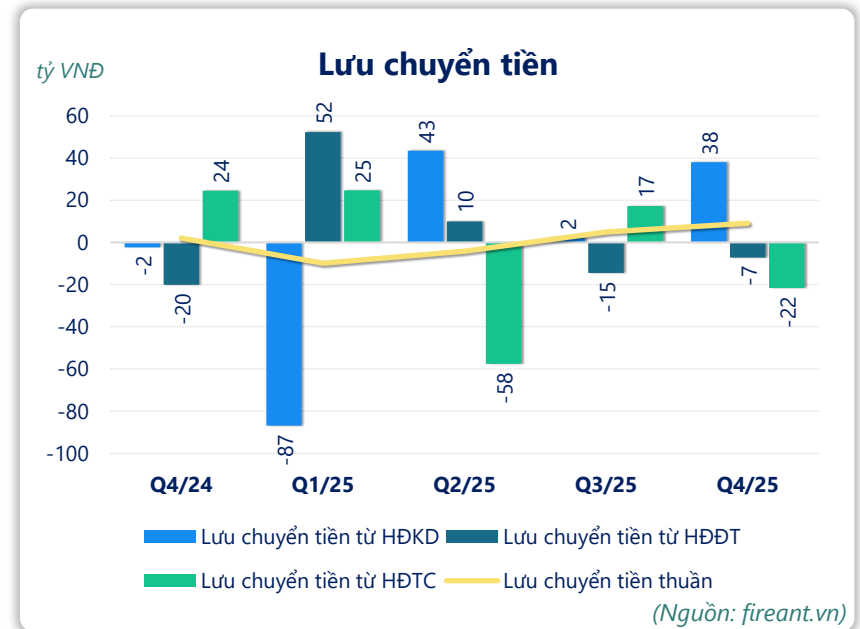
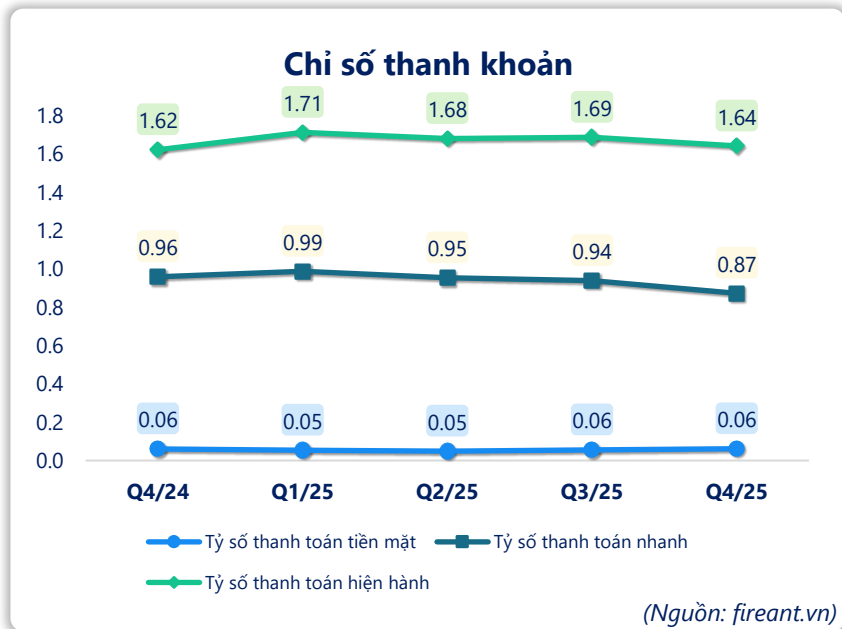
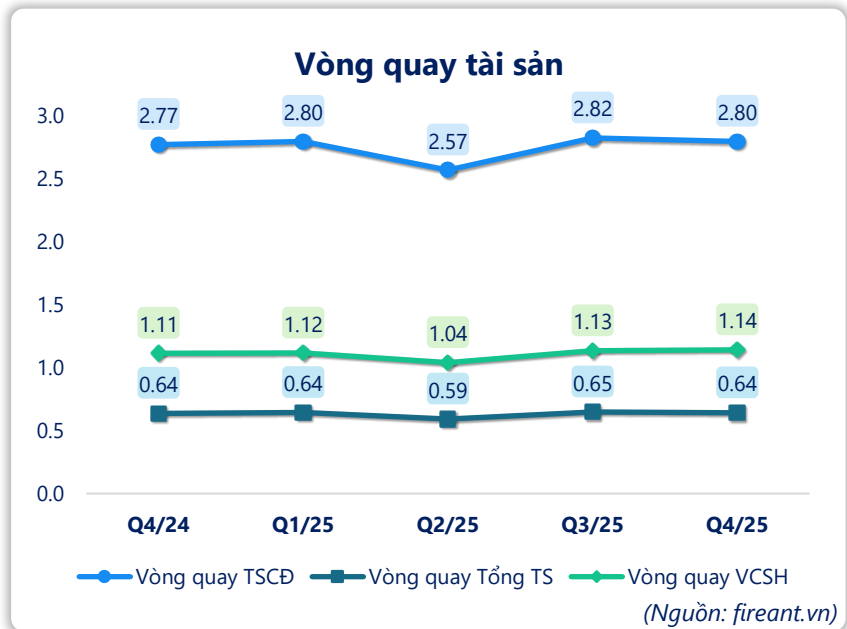
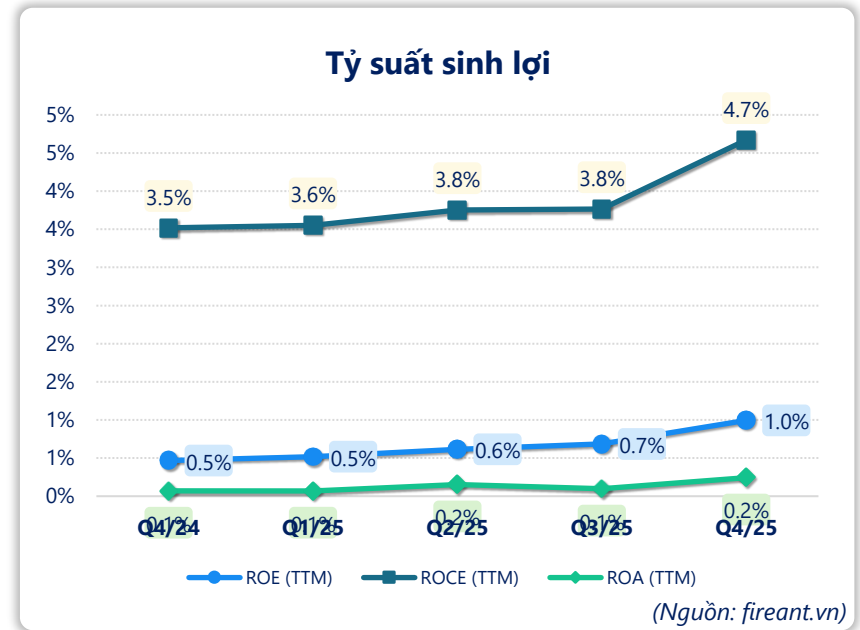
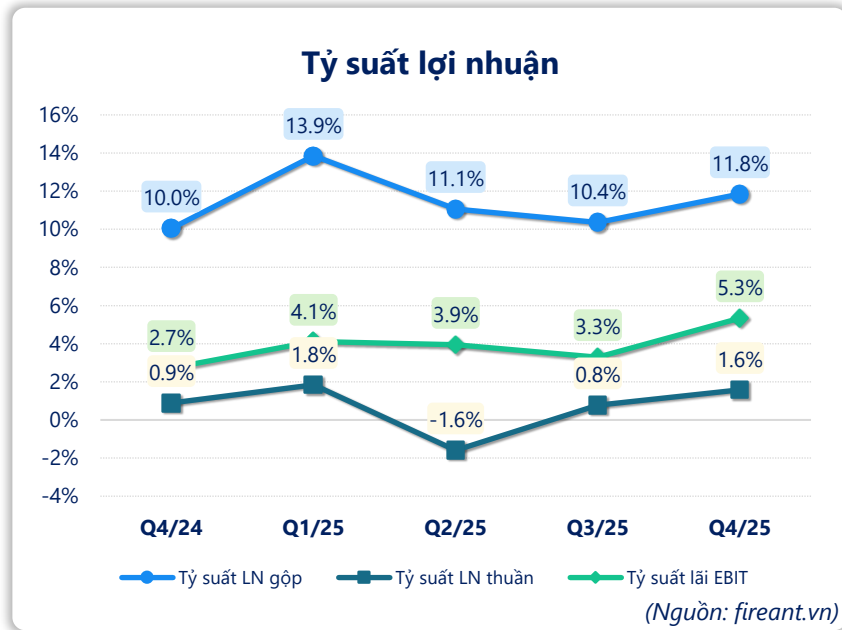
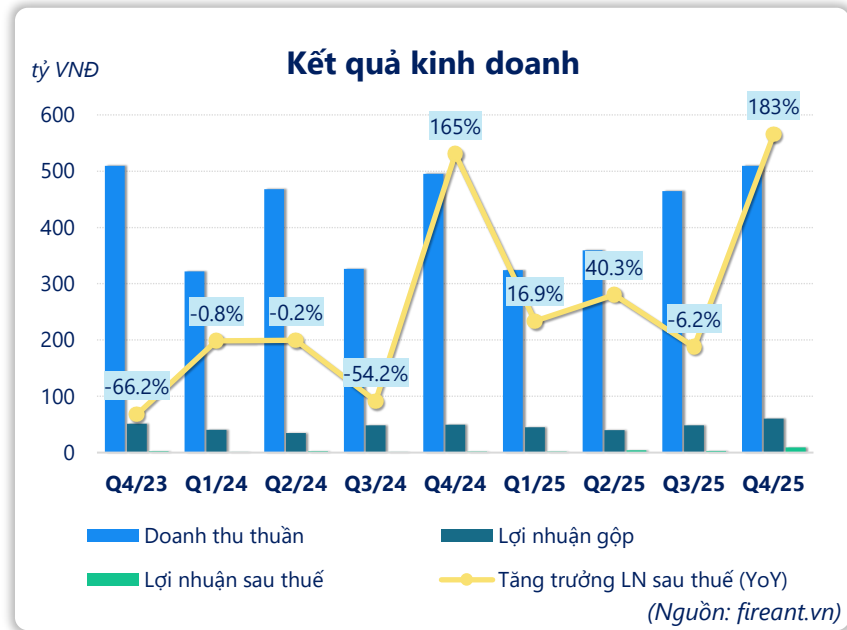


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,000
SL cổ phiếu LH		141,991,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		330
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		568
P/E		39.3
EPS		102

	YTD	1T	3T	6T
MIE	-38.5%	-4.8%	-41.2%	-41.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,609	2,557	2.0%
Tài sản ngắn hạn	1,767	1,783	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	66.1	65.8	0.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	188	141	33.1%
Phải thu ngắn hạn	641	796	-19.5%
Hàng tồn kho	827	733	12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	44.5	47.8	-6.8%
Tài sản dài hạn	843	774	8.9%
Phải thu dài hạn	5.01	1.58	217%
Tài sản cố định	616	569	8.1%
Bất động sản đầu tư	25.1	25.6	-2.1%
Tài sản dở dang	48.7	47.7	2.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	31.5	31.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	117	97.7	19.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,150	1,111	3.5%
Nợ ngắn hạn	1,076	1,092	-1.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	530	519	2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	240	286	-16.0%
Nợ dài hạn	73.6	18.6	296%
Vay và nợ thuê dài hạn	68.0	12.3	451%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,460	1,446	0.9%
Vốn chủ sở hữu	1,460	1,446	0.9%
Vốn điều lệ	1,419	1,419	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0.07	-100%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	495	324	359	464	510
Giá vốn hàng bán	446	279	319	416	449
Lợi nhuận gộp	49.8	44.9	39.8	48.1	60.4
Doanh thu HĐTC	3.55	1.57	5.11	0.48	5.47
Chi phí TC	11.2	11.1	9.69	12.3	16.3
Chi phí lãi vay	11.0	10.8	9.49	11.9	15.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.20	3.23	9.19	6.97	-2.90
Chi phí QLDN	34.5	26.2	31.7	25.8	44.4
LN thuần từ HĐKD	4.41	5.97	-5.72	3.59	8.04
Lợi nhuận khác	-1.86	-3.46	10.4	-0.20	3.42
LN trước thuế	2.55	2.51	4.67	3.39	11.5
Lợi nhuận sau thuế	1.77	1.92	4.06	2.81	9.24
LNST của CĐ cty mẹ	1.78	1.77	3.88	2.49	6.29

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.32	-86.8	43.5	2.20	37.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.1	52.3	9.98	-14.5	-7.24
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	24.5	24.7	-57.6	17.2	-21.6
Tiền đầu kỳ	64.3	65.8	56.0	52.0	57.0
Lưu chuyển tiền thuần	2.07	-9.86	-4.12	4.93	9.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0.50	0.04	0.17	0.04	0.04
Tiền cuối kỳ	66.9	56.0	52.0	57.0	66.1

(Nguồn: fireant.vn)